

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2026
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân

Bà Lê Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7
- Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:
Không.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST – HNGĐ ngày 12/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Trang A - sinh ngày: 24/5/2002

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038302xxxxxx

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L - sinh ngày: 09/3/1994

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038094xxxxxx

Tại phiên toà vắng mặt chị A và anh L (chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Trang A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Trang A và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 14/10/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có

con chung nên xảy ra nhiều bất đồng, thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đầu năm 2025 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay, chị Trần Trang A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị Trần Trang A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ chung: Chị Trần Trang A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2026 bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Trần Trang A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 14/10/2020. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 9/2025, chị Trang A đi làm công ty, thời gian đầu mới đi làm chị Trang A vẫn về nhà nội ở, sau đó chị Trang A xin về nhà ngoại ở, một thời gian sau thì anh L nhận được đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trang A. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Trang A vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Trang A có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với anh Nguyễn Văn L có hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Nguyễn Văn L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh L cố tình trốn tránh. Chị Trần Trang A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L không có mặt theo quyết định của Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét

xử vụ án vắng mặt chị A, anh L là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Trang A và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 14/10/2020. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Trang A và anh Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng không có con chung nên đã xảy ra nhiều bất đồng, thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đầu năm 2025 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay, chị Trần Trang A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Quá trình giải quyết vụ án anh L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh L không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Trần Trang A và anh Nguyễn Văn L đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Trang A được ly hôn anh Nguyễn Văn L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Trang A và anh Nguyễn Văn L không có con chung, chị A và anh L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Trần Trang A và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Trang A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; Điều 177; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Trang A được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Chị Trần Trang A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0004018 ngày 15/12/2025. Chị Trần Trang A đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trần Trang A và anh Nguyễn Văn L. Chị A và anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Thành Vinh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang